



## ENGLISH ASSESSMENT REPORT – PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾNG ANH

<b>Name (Tên)</b>	TRẦN HẢI NAM	<b>Teacher (GV)</b>	LANIE S. DEMETRIO
<b>Class (Lớp)</b>	ELITE B2	<b>Term (Học kỳ)</b>	FIRST TERM
<b>Campus (Cơ sở)</b>	FUJI	<b>Segment (PK)</b>	ELITE

### I. PROGRESS REPORT – BẢNG THEO DÕI TIẾN ĐỘ HỌC TẬP

Category (Hạng mục)	Description (Mô tả)	Achieved Level (Mức độ đạt được)
<b>Remembering</b> (Khả năng ghi nhớ)	<b>Recalls and identifies familiar English words related to daily topics.</b> (Nhớ và nhận diện được các từ tiếng Anh quen thuộc theo chủ đề hằng ngày.)	A
	<b>Repeats English sounds, letters, simple words, songs, or chants with teacher support.</b> (Lặp lại được âm, chữ cái, từ đơn giản, bài hát hoặc bài vè tiếng Anh.)	A+
<b>Understanding</b> (Khả năng thông hiểu)	<b>Understands simple English instructions and classroom language.</b> (Hiểu các yêu cầu và ngôn ngữ lớp học đơn giản bằng tiếng Anh.)	A
	<b>Shows understanding of basic vocabulary through actions, pointing, or matching.</b> (Thể hiện sự hiểu từ vựng thông qua hành động, chỉ tranh hoặc nối.)	A
<b>Applying</b> (Khả năng vận dụng)	<b>Uses simple English words or short phrases to express basic needs and responses.</b> (Sử dụng từ hoặc cụm từ tiếng Anh đơn giản để diễn đạt nhu cầu cá nhân.)	A
	<b>Follows one- to two-step instructions in English during games and classroom activities.</b> (Thực hiện được hướng dẫn 1-2 bước bằng tiếng Anh trong hoạt động và trò chơi.)	A
<b>Analyzing</b> (Khả năng phân tích)	<b>Compares and groups objects or pictures using English words.</b> (So sánh và phân loại đồ vật/tranh ảnh từ tiếng Anh đơn giản.)	A
	<b>Responds appropriately to simple questions by choosing, pointing, or giving short answers.</b> (Phản hồi phù hợp với câu hỏi đơn giản bằng cách chọn, chỉ hoặc trả lời ngắn.)	A
<b>Creating</b> (Khả năng sáng tạo)	<b>Uses English words, short sentences, or gestures to participate in role-play, songs, or creative activities.</b> (Sử dụng tiếng Anh kết hợp cử chỉ để tham gia đóng vai, hát hoặc hoạt động sáng tạo.)	A
	<b>Attempts to express personal ideas or preferences using familiar English language.</b> (Bước đầu diễn đạt ý thích hoặc suy nghĩ cá nhân bằng tiếng Anh quen thuộc.)	A
<b>Teacher's Comment</b> (Nhận xét của giáo viên)	<b>Bo can follow the teacher's instructions and can answer basic questions too. Always participates in games and songs. And he loves interacting with others.</b>	

Principal signature

Date

## PROGRESS EVALUATION RUBRIC (OBSERVATION-BASED)

### BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TIẾN TRÌNH (DỰA TRÊN QUAN SÁT)

Achieved Level (Mức độ đạt được)	Description (Mô tả)
<b>A+</b>	<b>The student consistently completes all tasks with confidence and uses English naturally.</b> (Trẻ luôn hoàn thành tốt mọi hoạt động, chủ động sử dụng tiếng Anh một cách tự nhiên.)
<b>A</b>	<b>The student participates actively and uses English when prompted.</b> (Trẻ tham gia tích cực, sử dụng tiếng Anh khi được gợi ý.)
<b>B</b>	<b>The student participates with some support; needs reminders to use English.</b> (Trẻ tham gia với sự hỗ trợ; cần được nhắc nhở để sử dụng tiếng Anh.)
<b>C</b>	<b>The student has limited participation; hesitant or rarely uses English.</b> (Trẻ ít tham gia; còn lúng túng hoặc hiếm khi sử dụng tiếng Anh.)

